

Số: 44/2026/QĐST-HNGĐ

Cao Bằng, ngày 25 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 23/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nông Thị T**; sinh năm: 1992

Địa chỉ: **Tổ dân phố G, xã N, tỉnh Thái Nguyên.**

- Bị đơn: Anh **Hoàng Văn T1**; sinh năm 1987.

Địa chỉ: **Tổ E, phường N, tỉnh Cao Bằng.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nông Thị T** và anh **Hoàng Văn T1**.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn **Nông Thị T** và bị đơn **Hoàng Văn T1** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục

đích hôn nhân không đạt được, nên cả hai bên tự nguyện thỏa thuận cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Các đương sự cùng thừa nhận có 02 (Hai) con chung là **Hoàng Bảo T2** (giới tính: Nữ) sinh ngày 26/02/2011 và **Hoàng Thanh T3** (Giới tính: Nữ) sinh ngày 13/11/2017. Sau khi ly hôn, 01 con chung là cháu **Hoàng Thanh T3** sẽ do chị **Nông Thị T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; 01 con chung là cháu **Hoàng Bảo T2** sẽ do anh **Hoàng Văn T1** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- **Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung:** Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận không cần tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung, vay nợ chung:** Về tài sản chung, vay nợ chung: Các đương sự xác nhận không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị **T** và anh **T1** mỗi người phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi năm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm cho việc thuận tình ly hôn để sung quỹ Nhà nước. Chị **T** tự nguyện nộp án phí dân sự bao gồm cả phần của anh **T1** với tổng số tiền là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000081 ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Nay, chị **T** được hoàn lại số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV1, Cao Bằng;
- PTHADS KV1, Cao Bằng;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Lưu án văn;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Bế Lan Phương